|  |  |
| --- | --- |
| **Trường:...................****Tổ:............................***Ngày: ........................* | Họ và tên giáo viên:……………………............................. |

**TÊN BÀI DẠY: THỰC HÀNH**

**SO SÁNH TÌNH HÌNH SẢN XUẤT CÂY CÔNG NGHIỆP LÂU NĂM Ở TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ VỚI TÂY NGUYÊN**

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ; Lớp: 9

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

*Yêu cầu cần đạt :*

- So sánh tình hình phát triển cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên và Trung du miền núi Bắc Bộ

- Đánh giá hiện trạng sản xuất cây công nghiệp 2 vùng

- Viết báo cáo về tình hình sản xuất 1 loại cây công nghiệp đặc trưng

**2. Năng lực**

**\* Năng lực chung**

**-** Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.

**-** Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trình bày suy nghĩ/ ý tưởng, lắng nghe/ phản hồi tích cực; giao tiếp và hợp tác khi làm việc nhóm.

**\* Năng lực Địa Lí**

- Năng lực vận dụng kiến thức kĩ năng đã học: Phân tích và so sánh được tình hình sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở hai vùng.

**3. Phẩm chất**

-Trách nhiệm: Hoàn thành bài thực hành.

- Chăm chỉ: Nghiên cứu bài 1 cách chủ động, sáng tạo, nghiêm túc thực hiện bài theo hướng dẫn của giáo viên

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

## 1. Chuẩn bị của GV

Bản đồ kinh tế vùng Trung Du và Miền Núi Bắc Bộ, vùng Tây Nguyên.

**2. Chuẩn bị của HS**

- Sách giáo khoa, sách tập ghi bài.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động: Mở đầu (3 phút)**

*a) Mục đích:*

- Tạo hứng thú cho học sinh trước khi bước vào bài mới.

*b) Nội dung:*

HS dựa vào lược đồ xác định vị trí và nhắc lại thế mạnh kinh tế của hai vùng.

*c) Sản phẩm:*

HS nêu được thế mạnh kinh tế của hai vùng.

*d) Cách thực hiện:*

**Bước 1:** GV giao nhiệm vụ: Em hãy xác định vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng TDMNBB và vùng Tây Nguyên, cho biết thế mạnh kinh tế nông nghiệp của 2 vùng ?

**Bước 2:** HS quan sát lược đồ và bằng hiểu biết để trả lời

**Bước 3:** HS báo cáo kết quả (Một HS trả lời, các HS khác nhận xét).

**Bước 4:** GV dẫn dắt vào bài.

**2. Hoạt động: Hình thành kiến thức mới**

**2.1. Hoạt động 1: Tình hình sản xuất một số cây CN lâu năm của TDMNBB và Tây Nguyên (15 phút)**

*a) Mục đích:*

- So sánh sự chênh lệch về diện tích, sản lượng chè và cà phê ở hai vùng

- Lí giải nguyên nhân dẫn đến sự khác biệt về sản xuất 2 vùng

*b) Nội dung:*

- HS dựa vào nội dung sách giáo khoa và khai thác bảng số liệu để trả lời các câu hỏi.

* **Nội dung chính:**

**Bài tập 1**

- Vùng Tây Nguyên có diện tích trống cây công nghiệp lớn hơn vùng Trung Du và Miền Núi Bắc Bộ gấp khoảng 9 lần .

- Cây chè, cà phê được trồng cả hai vùng. Cây cao su, điều, hồ tiêu chỉ trồng được ở Tây Nguyên.

- Vùng Tây Nguyên trồng nhiều cà phê. Ở Trung du và miền núi Bắc Bộ trồng nhiều nhất là cây chè.

- Vùng Tây Nguyên có diện tích cà phê trồng 480.800 ha chiếm 85,1% diện tích của cả nứớc. Sản lượng 761,6 nghìn tấn chiếm 90,6% sản lượng cà phê của cả nước. Trong khi đó cây chè chỉ chiếm 24,6% về diện tích và 27,1% về sản lượng

- Vùng Trung Du và miền núi Bắc bộ có diện tích trồng chè chiếm 68,8% diện tích của cả nước, chiếm 62,1% sản lượng. Còn cây cà phê mới bắt đầu được phát triển

- Do đặc điểm khí hậu và đất đai giữa hai vùng khác nhau .

- Thị trường xuất khẩu cà phê :Khối các nước EU, Nhật Bản, Trung Quốc…

- Các thương hiệu chè nổi tiếng :Chè San( Hà Giang ) Mộc Châu ( Sơn La ), chè Tân cương (Thái Nguyên)…

- Thị trường xuất khẩu chè :EU, Tây Á, Nhật Bản, Hàn Quốc.

- Để phát triển việc trông cây công nghiệp lâu năm 2 vùng mở rộng diện tích bằng cách phá rừng. Điều đó làm mất một số diện tích rừng tự nhiên, độ che phủ của rừng thụt giảm.

*c) Sản phẩm:*

|  |  |
| --- | --- |
| Nội dung | Thông tin trả lời |
| Loại cây trồng 2 vùng |  |
| Loại cây chỉ trồng ở Tây Nguyên mà không trồng ở TDMNBB |  |
| So sánh | **Tây Nguyên** | **Trung du và MNBB** |
| Diện tích & Sản lượng chè |  |  |
| Diện tích & SL cà phê |  |  |
| Nguyên nhân |  |  |

*d) Cách thực hiện:*

**Bước 1:** GV phát Phiếu học tập và giao nhiệm vụ bài tập 1.

|  |  |
| --- | --- |
| Nội dung | Thông tin trả lời |
| Loại cây trồng 2 vùng | Chè và cà phê |
| Loại cây chỉ trồng ở Tây Nguyên mà không trồng ở TDMNBB | Cao su, điều, tiêu |
| So sánh | **Tây Nguyên** | **Trung du và MNBB** |
| Diện tích & Sản lượng chè | Ít hơn | Nhiều hơn |
| Diện tích & SL cà phê | Hơn rất nhiều | Rất ít |
| Nguyên nhân | Tây Nguyên phát triển mạnh cây cà phê: Địa hình cao nguyên, đất feralit trên đá ba-zan, khí hậu cận xích đạo, có 2 mùa mưa và khô rõ rệt (cây cà phê chè thích nghi với địa hình cao trên 1000m và có khí hậu cận nhiệt) | TD&MNBB phát triển mạnh cây chè: Địa hình miền núi, khí hậu có mùa đông lạnh nên phát triển. Đây cũng là vùng có truyền thống sản xuất và sử dụng sản phẩm. |

**Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ, trao đổi kết quả làm việc và ghi vào giấy nháp. Trong quá trình HS làm việc, GV quan sát, theo dõi, đánh giá thái độ

**Bước 3:** Đại diện nhóm trình bày trước lớp; nhóm HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4:** GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.

**2.2. Hoạt động 2: Hướng dẫn học sinh viết báo cáo ( 20 phút)**

*a) Mục đích:*

Giúp học sinh khái quát về đặc điểm sinh thái của cây chè hoặc cây cà phê trên cơ sở tổng hợp về tình hình sản xuất, phân bố và tiêu thụ sản phẩm của một trong hai loại cây

*b) Nội dung:*

- Học sinh tìm hiểu kiến thức trong SGK và quan sát lược đồ để trả lời các câu hỏi.

* **Nội dung chính:**

**Bài tập 2**

Viết báo cáo về tình hình sản xuất, phân bố, tiêu thụ sản phẩm của cây cà phê hoặc cây chè

- Cây chè có nguồn gốc ở vùng cận nhiệt, thích hợp khí hậu mát lạnh, phát triển trên đất feralit trên đá vôi, được trồng nhiều nhất ở trung du và miền núi Bắc Bộ. Với diện tích 67,6 nghìn ha, chiếm 68,8% diện tích chè cả nước, sản lượng 47 nghìn tấn, chiếm 62,1% sản lượng chè cả nước. Tây nguyên có diện tích và sản lượng chè đứng thứ 2. Chè được tiêu thụ rộng rãi ở thị trường trong nước và xuất khẩu sang một số nước trên thế giới như Châu Phi, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc.

- Cây cà phê là loại cây công nghiệp thích hợp với khí hậu nóng ẩm, phát triển trên đất badan. Được trồng nhiều nhất ở Tây Nguyên với diện tích 480,8 nghìn ha, chiếm 85,1% diện tích cà phê cả nước. San lượng 761,6 nghìn tấn, chiếm 90,6% sản lượng cà phê cả nước. Cà phê được tiêu thụ rộng rãi trong nước và xuất khẩu sang thị trường Châu Âu, Nhật Bản, Trung Quốc, EU. Việt Nam là một trong những nước xuất khẩu cà phê nhiều nhất thế giới

*c) Sản phẩm:* Hoàn thành bài báo cáo

*d) Cách thực hiện:*

**Bước 1:** GV giao nhiệm vụ:

 Hướng dẫn học sinh viết báo cáo ngắn gọn bằng việc giới thiệu khái quát về đặc điểm sinh thái của cây chè hoặc cây cà phê trên cơ sở tổng hợp về tình hình sản xuất, phân bố và tiêu thụ sản phẩm của một trong hai loại cây

*Cho hs làm bài tập sau:*

Chè là cây trồng từ rất lâu để lấy búp lá làm đồ uống của miền….......(a)….....Diện tích chè gần đây tăng đấng kể, chè được trồng nhiều nhất ở ….(b)…............Diện tích đạt 67,6 nghìn ha, sản lượng đạt 47 nghìn tấn chiếm 68,8 % S và 62,1 % sản lượng chè búp khô của cả nước. Vùng này có nhiều loại chè ngon nổi tiếng như…...(c)….....Vùng trồng chè thứ 2 là ở …..(d) …....Chè được sử dụng rộng rãi trong nước và xuất khẩu đi…...(e)….....

 Đáp án:

a) Khí hậu cận nhiệt đới

b) Trung du và Miền núi Bắc Bộ

c) Chè Thái Nguyên

d) Tây Nguyên

e) Nhiêu nước đặc biệt là các nước châu Á

Kết luận: Tây Nguyên và Trung Du, miền núi Bắc Bộ có đặc điểm riêng về địa hình, khí hậu và thổ nhưỡng cũng như sự đa dạng sinh học.

Cả 2 vùng đều có điều kiện phát triển cây công nghiệp lâu năm

**Bước 2:** HS có 2 phút thảo luận theo nhóm.

**Bước 3:** GV mời đại diện các nhóm trả lời. Đại diện nhóm khác nhận xét.

**Bước 4:** GV chốt lại kiến thức của bài.

**3. Hoạt động: Luyện tập (5 phút)**

*a) Mục đích:*

- Giúp học sinh củng cố và khắc sâu nội dung kiến thức bài học

*b) Nội dung:* Vận dụng kiến thức bài học để đưa ra đáp án.

*c) Sản phẩm:* Đưa ra đáp án tuỳ theo năng lực của mình.

*d) Cách thực hiện:*

**Bước 1:** GV cho HS trả lời câu hỏi sau:

Đóng vai là nhà lãnh đạo địa phương, đề xuất giải pháp hỗ trợ người nông dân.

**Bước 2:** HS có 2 phút suy nghĩ và đưa ra đáp án.

**Bước 3:** GV mời đại diện HS trả lời. Đại diện HS khác nhận xét. GV chốt lại kiến thức của bài.

**4. Hoạt động: Vận dụng (2 phút)**

*a) Mục đích:* Hệ thống lại kiến thức về cây công nghiệp lâu năm.

*b) Nội dung:* Vận dụng kiến thức đã học hoàn thành nhiệm vụ.

*c) Sản phẩm:* Thiết kế một sản phẩm.

*d) Cách thực hiện:*

**Bước 1:** GV giao nhiệm vụ: Tìm kiếm thông tin và sưu tầm hình ảnh về 2 loại cây công nghiệp lâu năm này.

**Bước 2:** HS hỏi và đáp ngắn gọn.

**Bước 3:** GV dặn dò HS tự làm ở nhà tiết sau nhận xét.